

Ngày soạn:

Tiết 91: PHÉP CHIA PHÂN SỐ

Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: Học sinh vận dụng được quy tắc phép chia phân số trong giải toán.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng tìm số nghịch đảo của một số khác không và kỹ năng thực hiện phép chia phân số, bài toán tìm x?

3. Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi giải toán.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SGV, tài liệu tham khảo, thước thẳng.

2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT, SGK, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu quy tắc chia hai phân số? Viết dạng tổng quát?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm số chưa biết GV: Cho Hs làm bài tập 90 trang 43 GV: Cho học sinh đọc đề bài GV: Giáo viên cho học sinh nêu yêu cầu của bài toán. GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện. + HS: lớp làm vào vở sau đó 3 Hs lên bảng trình bày. Gọi Hs từ học lực yếu → Khá giải GV: HS lớp quan sát và làm. HS và GV: nhận xét bài làm của 3 Hs. GV: Gọi HS làm tiếp phần d, e, f. GV và HS: nhận xét bài làm của các bạn, bổ sung nếu cần. <u>Hoạt động 2:</u> Bài tập thực tế HS: đọc đề bài GV: Bài toán thuộc loại nào mà ta đã biết HS: Loại toán chuyển động. GV: Toán chuyển động gồm những đại	Dạng 1: Tìm x Bài 90 trang 43 SGK a) $x \cdot \frac{3}{7} = \frac{2}{3} \Rightarrow x = \frac{2}{3} : \frac{3}{7} \Rightarrow x = \frac{2}{3} \cdot \frac{7}{3} \Rightarrow x = \frac{14}{9}$ b) $x : \frac{8}{11} = \frac{11}{3} \Rightarrow x = \frac{11}{3} \cdot \frac{8}{11} \Rightarrow x = \frac{8}{3}$ c) $\frac{2}{5} : x = \frac{1}{4} \Rightarrow x = \frac{2}{5} : \frac{1}{4} \Rightarrow x = \frac{8}{5}$ d) $\frac{4}{7} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{1}{5} \Rightarrow \frac{4}{7} \cdot x = \frac{2}{3} + \frac{1}{5}$ $\frac{4}{7} \cdot x = \frac{13}{15} \Rightarrow x = \frac{13}{15} : \frac{4}{7} \Rightarrow x = \frac{13}{15} \cdot \frac{7}{4} \Rightarrow x = \frac{91}{60}$ e. $\frac{2}{9} - \frac{7}{8} \cdot x = \frac{1}{3} \Rightarrow \frac{7}{8} \cdot x = \frac{2}{9} - \frac{1}{3}$ $\Rightarrow \frac{7}{8} \cdot x = \frac{-1}{9}; x = \frac{-1}{9} : \frac{7}{8} \Rightarrow x = \frac{-1}{9} \cdot \frac{8}{7} \Rightarrow x = \frac{-8}{63}$ f. $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6} \Rightarrow \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6} - \frac{4}{5}$ $\Rightarrow \frac{5}{7} : x = \frac{-19}{30}; x = \frac{5}{7} : \frac{-19}{30} \Rightarrow x = \frac{5}{7} \cdot \frac{-30}{19} \Rightarrow x = \frac{-150}{133}$ Dạng 2: Bài tập thực tế Bài 92 trang 44 SGK Hướng dẫn

lượng nào? Và mối quan hệ của chúng? HS: Gồm các đại lượng: Vận tốc v; quãng đường s; thời gian t. Công thức $v = s/t$ GV (hướng dẫn): muốn tính được thời gian Minh đi từ trường về nhà với $v = 12 \text{ km/h} \rightarrow$ ta phải tính quãng đường từ trường về nhà. HS: tính: $s = 10.1/5 = 2 \text{ km}$. GV: yêu cầu 1 hs lên bảng làm. Hs khác làm vào vở.	+ Quãng đường từ trường về nhà là $10. \frac{1}{2} = 5 \text{ km}$ + Thời gian đi từ trường về nhà là: $t = \frac{s}{v} = \frac{5}{12} = \frac{1}{6} (h)$ Đáp số: 10 phút.
--	---

4. Củng cố - Luyện tập:

– GV nhấn mạnh lại các tính chất của phép cộng hai phân số.

– Hướng dẫn học sinh làm các bài tập còn lại SGK.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

– Học sinh về nhà học bài và làm các bài tập còn lại SGK.

– Chuẩn bị bài mới.